

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HSST
Ngày: 20/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

2. Bà Hồ Thị Phi Phương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê Bá Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 249/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Đinh Thị Hồng L**, tên gọi khác: B, sinh ngày 14/5/1993, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Đường C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Tấn T (sinh năm 1948) và bà Bùi Thị H (chết); anh em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ 5; chồng Hồ Hữu P (Không đăng ký kết hôn); có 02 con, con lớn nhất 12 tuổi, con nhỏ nhất sinh ngày 24/11/2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình tại phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, học hết lớp 6/12 thì nghỉ học. Sau đó phụ giúp gia đình, làm thuê, buôn bán cho đến ngày gây án. Ngày 05/11/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay - Có mặt.

2. **Phan Vĩnh Nhật Linh P**, tên gọi khác: N, sinh ngày 20/10/1985, tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Đường Đ, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Không rõ cha và mẹ là bà Phan Thị L (sinh năm 1960); chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ 01; chồng: Không có; có 05 con, con lớn nhất 13 tuổi, con nhỏ nhất 03 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Nhỏ sống với gia đình tại phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, học văn hóa đến lớp 05/12 thì nghỉ học. Sau đó phụ giúp gia đình, làm thuê cho đến ngày gây án; Ngày 05/11/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay - Có mặt.

Bị hại: Chị Trần Thị A, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Châu Thị N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Xóm 5, thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/12/2019, tại quán cà phê ở thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, Đinh Thị Hồng L rủ Phan Vĩnh Nhật Linh P vào thành phố H thuê xe mô tô đem đi cầm cố để lấy tiền trả nợ và tiêu dùng cá nhân. Trên đường đi, L gọi điện cho chị Trần Thị A hỏi thuê xe. Chị A hỏi có giấy tờ tùy thân không, L trả lời không, nhưng bạn của L là P có giấy chứng minh nhân dân nên chị A đồng ý. Cũng trên đường đi, L còn trao đổi với P về việc nếu thuê được xe thì cầm 5.000.000 đồng, P nói cầm thì cầm 10.000.000 đồng, chia mỗi người 5.000.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L và P đến quán cà phê B ở đường N, phường H, thành phố H, gặp chị A thuê 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75K1-297.72, P giao giấy chứng minh nhân dân và trực tiếp ký hợp đồng với chị A, còn L trả tiền thuê xe 700.000 đồng. Thuê được xe, L nói với P đưa xe về quán ở đường S cầm cố, nhưng P nói P có người quen cầm 10.000.000 đồng lấy đủ 10.000.000 đồng. Tiếp đó, P đưa L về xóm 5, thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế gặp chị Châu Thị N cầm cố lấy 10.000.000 đồng, chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng tiêu xài và trả nợ hết.

** Vật chứng thu giữ:* Một (01) xe mô tô hiệu Airblade, biển số 75K1-297.72; 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân tên Phan Vĩnh Nhật Linh P; Các bản sao giấy tờ gồm: “Hợp đồng cho thuê xe máy” ghi ngày 19/12/2019, chủ xe Trần Thị A và người thuê xe Phan Vĩnh Nhật Linh P; giấy chứng minh nhân dân Phan Vĩnh Nhật Linh P; giấy đăng ký xe mô tô, biển số 75K1-297.72 và 01 giấy mượn tiền mang tên Đinh Thị Hồng L.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 170/KL-HĐĐGTS ngày 04/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75K1-297.72 có giá trị 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

** Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại xe mô tô cho bị hại là chị Trần Thị A và giấy chứng minh nhân dân cho bị cáo P. Chị A đã nhận lại xe và tiền thuê xe đầy đủ nên không có yêu cầu gì thêm, đồng thời làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo. Chị Châu Thị N cũng nhận lại 10.000.000 đồng tiền cầm cố xe và 3.000.000 đồng tiền lãi từ L và P nên không có yêu cầu gì thêm.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 263/CT-VKS-HS ngày 27/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Đinh Thị Hồng L và Phan Vĩnh Nhật Linh P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Đinh Thị Hồng L và Phan Vĩnh Nhật Linh P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt Đinh Thị Hồng L từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Đề nghị Hội nghị xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt Phan Vĩnh Nhật Linh P từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án các bản sao giấy tờ gồm: Hợp đồng cho thuê xe máy ngày 19/12/2019, chủ xe Trần Thị A và người thuê xe Phan Vĩnh Nhật Linh P; giấy đăng ký xe mô tô, biển số 75K1-297.72 và 01 giấy mượn tiền mang tên Đinh Thị Hồng L.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận tiền bồi thường đầy đủ không có ai yêu cầu gì thêm, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Các bị cáo nói lời nói sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 17 giờ ngày 19/12/2019, tại quán cà phê B ở đường N, phường H, thành phố H, Đinh Thị Hồng L và Phan Vĩnh Nhật Linh P đã lừa thuê của chị Trần Thị A 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75K1-297.72 trị giá 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) để đi lại, nhưng sau đó đem đi cầm cố lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân và trả nợ. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, như bản cáo trạng số 263/CT-VKS-HS ngày 27/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó Đinh Thị Hồng L là người rủ rờ, khởi xướng nên chịu trách nhiệm chính. Phan Vĩnh Nhật Linh P có vai trò là đồng phạm thực hành nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai trong vụ án.

[3] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, nhận thức được hành vi bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác đem đi cầm cố là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay để áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo là cần thiết nhằm để cải tạo,

giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, cần xem xét thêm cho các bị cáo đều là phụ nữ, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, bị cáo L mới sinh con hơn một tháng, bị cáo P con đông không có chồng, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà tạo điều kiện cho các bị cáo lao động tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình trong môi trường xã hội bình thường. Nên áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo L và cải tạo không giam giữ đối với bị cáo P là phù hợp. Do bị cáo P làm thuê không có thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận tiền đầy đủ, không có ai yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Thị Hồng L và Phan Vĩnh Nhật Linh P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thị Hồng L (tên gọi khác: B) 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Thị Hồng L cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

-Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Vĩnh Nhật Linh P (tên gọi khác: N) 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án hoặc bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Phan Vĩnh Nhật Linh P (tên gọi khác: N) cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án các bản sao giấy tờ gồm: Hợp đồng cho thuê xe máy ngày 19/12/2019, chủ xe Trần Thị A và người

thuê xe Phan Vĩnh Nhật Linh P; giấy đăng ký xe mô tô, biển số 75K1-297.72 và 01 giấy mượn tiền mang tên Đinh Thị Hồng L.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Buộc các bị cáo Đinh Thị Hồng L và Phan Vĩnh Nhật Linh P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, BH, NCPLVNVLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương Dung